ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2026

I. Định hướng chung

Phương án tuyển sinh đại học chính quy năm 2026 của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng được xây dựng trên tinh thần ổn định, minh bạch, rộng mở và đảm bảo công bằng cho mọi thí sinh, tiếp nối định hướng và kinh nghiệm triển khai hiệu quả trong năm 2025. Nhà trường kiên định chủ trương **giữ ổn định các phương thức tuyển sinh, đối tượng tuyển sinh và các loại hình đào tạo toàn phần/bán phần tiếng Anh và chương trình tiêu chuẩn** nhằm tạo tâm lý an tâm cho thí sinh và các trường trung học phổ thông, đồng thời tiếp tục mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục đại học tiên tiến cho học sinh trên toàn quốc.

Năm 2026 Nhà trường mở mới chương trình **Cử nhân Tài năng** (IBS-ELITE) giảng dạy **toàn phần tiếng Anh**, nhằm hướng đến đào tạo nguồn nhân lực tinh hoa, có năng lực hội nhập quốc tế cũng như phát triển các mô hình đào tạo gắn kết chặt chẽ giữa nhà trường và doanh nghiệp, khuyến khích sinh viên học tập thông qua trải nghiệm thực tiễn và đổi mới sáng tạo.

II. Phương án tuyển sinh

1. Tuyển sinh Cử nhân chính quy

Chương trình cử nhân chính quy là chương trình đào tạo được xây dựng tuân thủ theo các Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) dành cho hệ thống đào tạo tín chỉ. Sinh viên sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và có đủ điều kiện tốt nghiệp sẽ được Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là Trường) xét công nhận tốt nghiệp; cấp văn bằng và phụ lục văn bằng theo quy định của Bộ GD&ĐT.

1.1. Đối tượng

a. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức) là người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương.

b. Đối tượng dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định;
- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

c. Trường có quy định cụ thể về đối tượng, điều kiện dự tuyển cho mỗi phương thức tuyển sinh.

d. Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập, Trường tạo điều kiện tốt nhất để thí sinh có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển và Hiệu trưởng sẽ xem xét, quyết định cho theo học các chương trình phù hợp với điều kiện sức khỏe của thí sinh.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Toàn quốc.

1.3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

Chương trình cử nhân chính quy của trường xét tuyển lần lượt theo các phương thức sau:

- **Phương thức 1 (PT1): Xét tuyển thẳng**

- **Đối tượng 1**: Thí sinh đoạt giải trong các **kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế bậc THPT** và những thí sinh đủ điều kiện khác được xét tuyển thẳng theo Quy định của Bộ GD&ĐT.

Các đối tượng xét tuyển thẳng gồm:

a. Thí sinh là Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào tất cả các chương trình của Trường.

b. Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng; được tuyển thẳng vào tất cả các chương trình của Trường.

c. Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng. Cụ thể:

- Thí sinh đoạt giải một trong các môn: Toán, Vật lý, Hoá học, Ngữ Văn, Sinh học, Ngoại ngữ, Tin học được tuyển thẳng vào tất cả các chương trình của Trường.

- Thí sinh đoạt giải một trong các môn: Lịch sử, Địa lý được tuyển thẳng vào các chương trình (1) Luật, (2) Luật kinh tế, (3) Luật thương mại quốc tế, (4) Quản lý nhà nước.

d. Thí sinh thuộc các đối tượng còn lại sẽ được Hội đồng tuyển sinh Trường xem xét, quyết định.

Thí sinh tốt nghiệp THPT trong vòng 3 năm (2024, 2025, 2026) được sử dụng Phương thức 1 để đăng ký xét tuyển vào các chương trình phù hợp với quy định nêu trên. Riêng đối với các chương trình thuộc loại hình Toàn phần, Bán phần tiếng Anh, thí sinh phải đồng thời đáp ứng điều kiện về năng lực tiếng Anh theo quy định (Bảng 1).

- **Phương thức 2 (PT2): Xét tuyển kết hợp giữa thành tích học tập và năng lực ngoại ngữ (tuyển sinh riêng)**

Phương thức xét tuyển kết hợp gồm 04 Đối tượng sau:

- **Đối tượng 2**: Thí sinh đã tham gia cuộc thi "**Đường lên đỉnh Olympia**" trên Đài truyền hình Việt Nam.
  Thí sinh tốt nghiệp THPT trong vòng 3 năm (2024, 2025, 2026). Thí sinh được sử dụng Đối tượng 2 để đăng ký xét tuyển vào tất cả các chương trình của Trường. Riêng đối với các chương trình thuộc loại hình Toàn phần, Bán phần tiếng Anh, thí sinh phải đồng thời đáp ứng điều kiện về năng lực tiếng Anh theo quy định (Bảng 1).

- **Đối tượng 3**: Thí sinh đoạt giải **Khuyến khích** kỳ thi học sinh giỏi cấp Quốc gia, giải **Nhất, Nhì, Ba kỳ thi học sinh giỏi THPT cấp tỉnh, thành phố** trực thuộc trung ương (chương trình dành cho học sinh lớp 12).

Thí sinh tốt nghiệp THPT trong vòng 3 năm (2024, 2025, 2026). Thí sinh được sử dụng Đối tượng 3 để đăng ký xét tuyển vào tất cả các chương trình của Trường. Riêng đối với các chương trình thuộc loại hình Toàn phần, Bán phần tiếng Anh, thí sinh phải đồng thời đáp ứng điều kiện về năng lực tiếng Anh theo quy định (Bảng 1).

- Trường hợp các tỉnh-thành phố trực thuộc trung ương có tổ chức kỳ thi học sinh giỏi riêng cho các khối lớp trung học phổ thông khác nhau, Trường chỉ sử dụng kết quả của kỳ thi học sinh giỏi THPT tổ chức cho khối lớp cao nhất.
- Thí sinh đoạt giải một trong các môn Toán, Vật lý, Hoá học, Ngữ Văn, Sinh học, Ngoại ngữ, Tin học, Giáo dục Kinh tế & Pháp luật được đăng ký tất cả các chương trình của Trường.
- Thí sinh đoạt giải một trong các môn Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân được đăng ký các chương trình (1) Luật, (2) Luật kinh tế, (3) Luật thương mại quốc tế, (4) Quản lý nhà nước.

- **Đối tượng 4**: Thí sinh có kết quả kỳ thi **đánh giá năng lực** (ĐGNL) của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG TP HCM) năm 2026.
  Thí sinh tốt nghiệp THPT và có kết quả kỳ thi ĐGNL của ĐHQG TP HCM năm 2026 được đăng ký xét tuyển vào tất cả các chương trình thuộc loại hình Toàn phần, Bán phần tiếng Anh và Tiêu chuẩn. Riêng đối với các chương trình thuộc loại hình Toàn phần, Bán phần tiếng Anh, thí sinh đồng thời phải đáp ứng điều kiện về năng lực tiếng Anh theo quy định (Bảng 1).

- **Đối tượng *5A***: Thí sinh có năng lực tiếng Anh theo quy định của Trường (Bảng 1) và có điểm xét tuyển dựa trên **kết quả học tập THPT (học bạ)** của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển.
  Thí sinh tốt nghiệp THPT trong vòng 3 năm (2024, 2025, 2026). Thí sinh được sử dụng Đối tượng 5A để đăng ký xét tuyển vào các chương trình thuộc loại hình Toàn phần, Bán phần tiếng Anh. Thí sinh không được sử dụng Đối tượng 5A để đăng ký xét tuyển vào các chương trình thuộc loại hình Tiêu chuẩn.

- Phương thức 3 (PT3): Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026

- **Đối tượng *5B***: Thí sinh có điểm xét tuyển dựa trên **kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026** của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển.
  Thí sinh tốt nghiệp THPT và có kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 được đăng ký xét tuyển vào các chương trình thuộc loại hình Tiêu chuẩn. Thí sinh không được sử dụng Đối tượng 5B để đăng ký xét tuyển vào các chương trình thuộc loại hình Toàn phần, Bán phần tiếng Anh.

Thông tin về Phương thức xét tuyển, Điều kiện xét tuyển, Điểm xét tuyển, Tổ hợp xét tuyển và Nguyên tắc xét tuyển của mỗi loại hình đào tạo được chi tiết ở Bảng 1 dưới đây.

BẢNG 1: DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2026

TT	THÔNG TIN TUYỂN SINH	LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO		
		TOÀN PHẦN TIẾNG ANH (1)	BÁN PHẦN TIẾNG ANH (2)	TIÊU CHUẨN (3)
I	PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN			
1.1	**Phương thức 1: XÉT TUYỂN THẲNG**			
	Đối tượng 1	✓	✓	✓
1.2	**Phương thức 2: XÉT TUYỂN KẾT HỢP GIỮA THÀNH TÍCH HỌC TẬP VÀ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ (TUYỂN SINH RIÊNG)**			
	Đối tượng 2	✓	✓	✓
	Đối tượng 3	✓	✓	✓
	Đối tượng 4	✓	✓	✓
	Đối tượng 5A	✓	✓	
1.3	**Phương thức 3: XÉT TUYỂN DỰA TRÊN KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2026**			
	Đối tượng 5B			✓
II	ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN			
2.1	Năng lực tiếng Anh	- Thí sinh có Chứng chỉ IELTS từ **5,5 điểm trở lên hoặc tương**	- Thí sinh có Chứng chỉ IELTS từ **4,0 điểm trở lên hoặc tương**	**Không yêu cầu**

			đương (*xem tham chiếu tương đương ở Bảng 2*); hoặc - Đoạt từ **Giải Ba** môn Tiếng Anh trong kỳ thi học sinh giỏi THPT cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (*chương trình dành cho học sinh lớp 12*).	**đương** (*xem tham chiếu tương đương ở Bảng 2*); hoặc - Đoạt từ **Giải Khuyến khích** môn Tiếng Anh trong kỳ thi học sinh giỏi THPT cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (*chương trình dành cho học sinh lớp 12*).	
2.2	**Năm tốt nghiệp**		*Được trình bày trong từng đối tượng xét tuyển ở trên*		
2.3	**Ngưỡng đảm bảo chất lượng (Điểm sàn)**		Thông báo sau theo kế hoạch của Bộ GD&ĐT	Thông báo sau theo kế hoạch của Bộ GD&ĐT	Thông báo sau theo kế hoạch của Bộ GD&ĐT
III	**ĐIỂM XÉT TUYỂN**		**ĐIỂM XÉT TUYỂN = ĐIỂM QUY ĐỔI + ĐIỂM ƯU TIÊN (NẾU CÓ) + ĐIỂM CỘNG (NẾU CÓ)** *(Điểm xét tuyển theo thang 30 và được làm tròn hai (02) chữ số thập phân)*		
3.1	**Điểm quy đổi**	**Đối tượng 2**	- Cuộc thi Năm-Quý: 30 điểm; - Cuộc thi Tháng: 29 điểm; - Cuộc thi Tuần: 28 điểm.	- Cuộc thi Năm-Quý: 30 điểm; - Cuộc thi Tháng: 29 điểm; - Cuộc thi Tuần: 28 điểm.	- Cuộc thi Năm-Quý: 30 điểm; - Cuộc thi Tháng: 29 điểm; - Cuộc thi Tuần: 28 điểm.
		Đối tượng 3	- Đoạt Giải KKQG/Nhất: 27 điểm; - Đoạt Giải Nhì: 26 điểm; - Đoạt Giải Ba: 25 điểm.	- Đoạt Giải KKQG/Nhất: 27 điểm; - Đoạt Giải Nhì: 26 điểm; - Đoạt Giải Ba: 25 điểm.	- Đoạt Giải KKQG/Nhất: 27 điểm; - Đoạt Giải Nhì: 26 điểm; - Đoạt Giải Ba: 25 điểm.
		Đối tượng 4	*Điểm quy đổi sẽ có hướng dẫn sau*	*Điểm quy đổi sẽ có hướng dẫn sau*	*Điểm quy đổi sẽ có hướng dẫn sau*
		Đối tượng 5	**Đối tượng 5A:** **Điểm quy đổi = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3** (*Điểm quy đổi được làm tròn hai (02) chữ số thập phân*) Trong đó: Điểm từng môn: Điểm môn 1, Điểm môn 2, và Điểm môn 3, gọi là môn A được tính như sau: *Điểm môn A = (Điểm trung bình chung môn A cả năm lớp 10 + Điểm trung bình chung môn A cả năm lớp 11 + Điểm trung bình chung môn A cả năm lớp 12)/3* * Lưu ý: *Điểm từng môn lấy từ kết quả học tập trong chương trình THPT các*	**Đối tượng 5A:** **Điểm quy đổi = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3** (*Điểm quy đổi được làm tròn hai (02) chữ số thập phân*) Trong đó: Điểm từng môn: Điểm môn 1, Điểm môn 2, và Điểm môn 3, gọi là môn A được tính như sau: *Điểm môn A = (Điểm trung bình chung môn A cả năm lớp 10 + Điểm trung bình chung môn A cả năm lớp 11 + Điểm trung bình chung môn A cả năm lớp 12)/3* * Lưu ý: *Điểm từng môn lấy từ kết quả học tập trong chương trình THPT các*	**Đối tượng 5B:** **Điểm quy đổi = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3** (*Điểm quy đổi được làm tròn hai (02) chữ số thập phân*) Trong đó: Điểm từng môn trong tổ hợp xét tuyển thí sinh đăng ký lấy từ kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026. *Điểm từng môn được làm tròn hai (02) chữ số thập phân*)

			năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 (điểm học bạ). Điểm môn A được làm tròn hai (02) chữ số thập phân.	*năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 (điểm học bạ). Điểm môn A được làm tròn hai (02) chữ số thập phân.*	
3.2	**Điểm ưu tiên**		Theo quy định của Bộ	Theo quy định của Bộ	Theo quy định của Bộ
3.3	**Điểm cộng**		Thông báo sau	Thông báo sau	Thông báo sau
IV	**TIÊU CHÍ PHỤ**		Theo quy định của Bộ	Theo quy định của Bộ	Theo quy định của Bộ
V	**TỔ HỢP XÉT TUYỂN (DỰ KIẾN)**		Trường DỰ KIẾN sử dụng 04 tổ hợp xét tuyển: - A00 (Toán, Vật lý, Hóa học); - A01 (Toán, Vật lý , Tiếng Anh); - D01 (Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh); - X25 (Toán, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh).	Trường DỰ KIẾN sử dụng 04 tổ hợp xét tuyển: - A00 (Toán, Vật lý, Hóa học); - A01 (Toán, Vật lý , Tiếng Anh); - D01 (Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh); - X25 (Toán, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh).	Trường DỰ KIẾN sử dụng 04 tổ hợp xét tuyển: - A00 (Toán, Vật lý, Hóa học); - A01 (Toán, Vật lý , Tiếng Anh); - D01 (Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh); - X25 (Toán, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh).
VI	**LƯU Ý**		- Nguyên tắc xét tuyển: Xét tuyển ưu tiên lần lượt từ cao xuống thấp theo điểm xét tuyển của từng chương trình cho từng loại hình đào tạo. - Trường hợp không tuyển hết chỉ tiêu theo từng chương trình thuộc một loại hình đào tạo, số chỉ tiêu còn dư được điều chuyển cho các chương trình thuộc loại hình khác theo thứ tự ưu tiên: (1) Toàn phần tiếng Anh, (2) Bán phần tiếng Anh và (3) Tiêu chuẩn. - Đối với những chương trình có nhiều chuyên ngành, sau khi thí sinh trúng tuyển và nhập học, thí sinh sẽ lựa chọn chuyên ngành mong muốn học trong cùng một loại hình đào tạo. Trường chỉ tổ chức đào tạo nếu số lượng trúng tuyển vào chuyên ngành lớn hơn hoặc bằng 15. Trong trường hợp dưới 15, thí sinh sẽ được phép đăng ký chuyển sang chuyên ngành khác trong cùng một loại hình đào tạo. - Đối với các thí sinh có bằng tốt nghiệp THPT của nước ngoài đã được công nhận trình độ tương đương, trong trường hợp bảng điểm THPT của thí sinh có môn học khác với tổ hợp xét tuyển và thang điểm khác với thang điểm 10, việc chọn môn tương đương và quy đổi điểm do HĐTS quyết định.		

BẢNG 2: DỰ KIẾN THAM CHIẾU QUY ĐỔI TƯƠNG ĐƯƠNG CÁC CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH

KNLNN VN	IELTS Academic	TOEFL iBT (*)	TOEFL ITP	TOEIC				VSTEP
				Nghe	Đọc	Nói	Viết	
Bậc 3	4,0-5,0	30-45	450-499	275-395	275-380	120-150	120-140	4,0-5,5
Bậc 4	5,5-6,5	46-93	500-626	400-485	385-450	160-170	150-170	6,0-8,0
Từ Bậc 5	≥ 7,0	≥ 94	≥ 627	≥ 490	≥ 455	≥ 180	≥ 180	≥ 8,5

* Không chấp nhận phiên bản Home Edition. Các chứng chỉ tiếng Anh trong thời hạn 2 năm, tính đến ngày nộp hồ sơ ĐKXT.

BẢNG 3: DỰ KIẾN CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐƯỢC TUYỂN SINH NĂM 2026

TT	MÃ XÉT TUYỂN	TÊN CHƯƠNG TRÌNH	MÃ NGÀNH	NGÀNH	CHỈ TIÊU (TB sau)	PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH (Dự kiến)
1	IBS-ELITE	Kinh doanh quốc tế - Chương trình Cử nhân tài năng Ngoại thương (ELITE - Toàn phần tiếng Anh)	7340120	Kinh doanh quốc tế	-	Phương thức 1*, 2* (Tổ hợp: A00, A01, D01, X25)
2	7340120E	Kinh doanh quốc tế - Chương trình Ngoại thương (E - Toàn phần tiếng Anh)			-	Phương thức 1, 2 (Tổ hợp: A00, A01, D01, X25)
3	7340120P	Kinh doanh quốc tế - Chương trình Kinh doanh giao nhận và vận tải quốc tế (P - Bán phần tiếng Anh)			-	Phương thức 1, 2 (Tổ hợp: A00, A01, D01, X25)
4	7340120S	Kinh doanh quốc tế - Chương trình Kinh doanh quốc tế (S - Tiêu chuẩn)			-	Phương thức 1, 2 (trừ Đối tượng 5A), 3 (Tổ hợp: A00, A01, D01, X25)
5	7340115E	Marketing - Chương trình Marketing số (E - Toàn phần tiếng Anh)	7340115	Marketing	-	Phương thức 1, 2 (Tổ hợp: A00, A01, D01, X25)
6	7340115P	Marketing - Chương trình Marketing (P - Bán phần tiếng Anh)			-	Phương thức 1, 2 (Tổ hợp: A00, A01, D01, X25)
7	7340115S	Marketing - Chương trình Marketing (S - Tiêu chuẩn)			-	Phương thức 1, 2 (trừ Đối tượng 5A), 3 (Tổ hợp: A00, A01, D01, X25)
8	7340122E	Thương mại điện tử - Chương trình Thương mại điện tử (E - Toàn phần tiếng Anh)	7340122	Thương mại điện tử	-	Phương thức 1, 2 (Tổ hợp: A00, A01, D01, X25)
9	7340122S	Thương mại điện tử - Chương trình Thương mại điện tử (S - Tiêu chuẩn)			-	Phương thức 1, 2 (trừ Đối tượng 5A), 3 (Tổ hợp: A00, A01, D01, X25)
10	7340121S	Kinh doanh thương mại - Chương trình Kinh doanh thương mại (S - Tiêu chuẩn)	7340121	Kinh doanh thương mại	-	Phương thức 1, 2 (trừ Đối tượng 5A), 3 (Tổ hợp: A00, A01, D01, X25)
11	7460108S	Khoa học dữ liệu - Chương trình Khoa học dữ liệu (S - Tiêu chuẩn)	7460108	Khoa học dữ liệu	-	Phương thức 1, 2 (trừ Đối tượng 5A), 3 (Tổ hợp: A00, A01, D01, X25)
12	7340301P	Kế toán - Chương trình Kế toán tích hợp chương trình quốc tế ICAEW (P - Bán phần tiếng Anh)	7340301	Kế toán	-	Phương thức 1, 2 (Tổ hợp: A00, A01, D01, X25)
13	7340301S	Kế toán - Chương trình Kế toán (S - Tiêu chuẩn)			-	Phương thức 1, 2 (trừ Đối tượng 5A), 3 (Tổ hợp: A00, A01, D01, X25)

TT	MÃ XÉT TUYỂN	TÊN CHƯƠNG TRÌNH	MÃ NGÀNH	NGÀNH	CHỈ TIÊU (TB sau)	PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH (Dự kiến)
14	7340302P	Kiểm toán - Chương trình Kiểm toán tích hợp chương trình quốc tế ACCA (P - Bán phần tiếng Anh)	7340302	Kiểm toán	-	Phương thức 1, 2 (Tổ hợp: A00, A01, D01, X25)
15	7340302S	Kiểm toán - Chương trình Kiểm toán (S - Tiêu chuẩn)			-	Phương thức 1, 2 (trừ Đối tượng 5A), 3 (Tổ hợp: A00, A01, D01, X25)
16	7340101P	Quản trị kinh doanh - Chương trình Quản trị kinh doanh (P - Bán phần tiếng Anh)	7340101	Quản trị kinh doanh	-	Phương thức 1, 2 (Tổ hợp: A00, A01, D01, X25)
17	7340101S	Quản trị kinh doanh - Chương trình Quản trị kinh doanh (S - Tiêu chuẩn)			-	Phương thức 1, 2 (trừ Đối tượng 5A), 3 (Tổ hợp: A00, A01, D01, X25)
18	7340404P	Quản trị nhân lực - Chương trình Quản trị nguồn nhân lực (P - Bán phần tiếng Anh)	7340404	Quản trị nhân lực	-	Phương thức 1, 2 (Tổ hợp: A00, A01, D01, X25)
19	7340404S	Quản trị nhân lực - Chương trình Quản trị nguồn nhân lực (S - Tiêu chuẩn)			-	Phương thức 1, 2 (trừ Đối tượng 5A), 3 (Tổ hợp: A00, A01, D01, X25)
20	7340201P	Tài chính - Ngân hàng - Chương trình Tài chính - Ngân hàng (P - Bán phần tiếng Anh)	7340201	Tài chính - Ngân hàng	-	Phương thức 1, 2 (Tổ hợp: A00, A01, D01, X25)
21	7340201S	Tài chính - Ngân hàng - Chương trình Tài chính - Ngân hàng (S - Tiêu chuẩn)			-	Phương thức 1, 2 (trừ Đối tượng 5A), 3 (Tổ hợp: A00, A01, D01, X25)
22	7340205P	Công nghệ tài chính - Chương trình Công nghệ tài chính (P - Bán phần tiếng Anh)	7340205	Công nghệ tài chính	-	Phương thức 1, 2 (Tổ hợp: A00, A01, D01, X25)
23	7340205S	Công nghệ tài chính - Chương trình Công nghệ tài chính (S - Tiêu chuẩn)			-	Phương thức 1, 2 (trừ Đối tượng 5A), 3 (Tổ hợp: A00, A01, D01, X25)
24	7810103P	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Chương trình Quản trị kinh doanh du lịch (P - Bán phần tiếng Anh)	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	-	Phương thức 1, 2 (Tổ hợp: A00, A01, D01, X25)
25	7810103S	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Chương trình Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (S - Tiêu chuẩn)			-	Phương thức 1, 2 (trừ Đối tượng 5A), 3 (Tổ hợp: A00, A01, D01, X25)
26	7810201P	Quản trị khách sạn - Chương trình Quản trị khách sạn (P - Bán phần tiếng Anh)	7810201	Quản trị khách sạn	-	Phương thức 1, 2 (Tổ hợp: A00, A01, D01, X25)

TT	MÃ XÉT TUYỂN	TÊN CHƯƠNG TRÌNH	MÃ NGÀNH	NGÀNH	CHỈ TIÊU (TB sau)	PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH (Dự kiến)
27	7810201S	Quản trị khách sạn - Chương trình Quản trị khách sạn (S - Tiêu chuẩn)			-	Phương thức 1, 2 (trừ Đối tượng 5A), 3 (Tổ hợp: A00, A01, D01, X25)
28	7310101P	Kinh tế - Chương trình Kinh tế quốc tế (P - Bán phần tiếng Anh)	7310101	Kinh tế	-	Phương thức 1, 2 (Tổ hợp: A00, A01, D01, X25)
29	7310101S	Kinh tế - Chương trình Kinh tế (S - Tiêu chuẩn)			-	Phương thức 1, 2 (trừ Đối tượng 5A), 3 (Tổ hợp: A00, A01, D01, X25)
30	7340405P	Hệ thống thông tin quản lý - Chương trình Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh (P - Bán phần tiếng Anh)	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	-	Phương thức 1, 2 (Tổ hợp: A00, A01, D01, X25)
31	7340405S	Hệ thống thông tin quản lý - Chương trình Hệ thống thông tin quản lý (S - Tiêu chuẩn)			-	Phương thức 1, 2 (trừ Đối tượng 5A), 3 (Tổ hợp: A00, A01, D01, X25)
32	7310107S	Thống kê kinh tế - Chương trình Thống kê kinh tế (S - Tiêu chuẩn)	7310107	Thống kê kinh tế	-	Phương thức 1, 2 (trừ Đối tượng 5A), 3 (Tổ hợp: A00, A01, D01, X25)
33	7380107P	Luật kinh tế - Chương trình Luật thương mại quốc tế (P - Bán phần tiếng Anh)	7380107	Luật kinh tế	-	Phương thức 1, 2 (Tổ hợp: A00, A01, D01, X25)
34	7380107S	Luật kinh tế - Chương trình Luật Kinh tế (S - Tiêu chuẩn)			-	Phương thức 1, 2 (trừ Đối tượng 5A), 3 (Tổ hợp: A00, A01, D01, X25)
35	7380101S	Luật - Chương trình Luật (S - Tiêu chuẩn)	7380101	Luật	-	Phương thức 1, 2 (trừ Đối tượng 5A), 3 (Tổ hợp: A00, A01, D01, X25)
36	7310205S	Quản lý nhà nước - Chương trình Quản lý nhà nước (S - Tiêu chuẩn)	7310205	Quản lý nhà nước	-	Phương thức 1, 2 (trừ Đối tượng 5A), 3 (Tổ hợp: A00, A01, D01, X25)
		TỔNG			-	
37	7340120QT	Kinh doanh quốc tế - Chương trình cử nhân liên kết quốc tế	7340120	Kinh doanh quốc tế	-	Phương thức 1, 2 (Tổ hợp: A00, A01, D01, X25)

**Chi tiết yêu cầu cụ thể đối với Chương trình Cử nhân tài năng Ngoại thương IBS-ELITE sẽ có thông báo sau.*

2. Tuyển sinh Cử nhân liên kết quốc tế (học tại Trường Đại học Kinh tế và nhận bằng Cử nhân do đại học đối tác cấp bằng)

Chương trình Cử nhân liên kết quốc tế là chương trình liên kết giữa Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng với các đối tác nước ngoài. Với thời gian đào tạo 3 năm, sinh viên được dạy và học hoàn toàn bằng tiếng Anh với toàn bộ chương trình đào tạo do các trường đại học đối tác cung cấp. Sinh viên hoàn thành chương trình sẽ **nhận được bằng Cử nhân do đại học đối tác cấp bằng**, được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam công nhận và có giá trị toàn cầu.

- **Điều kiện dự tuyển:**
  - ***Thí sinh tốt nghiệp THPT của Việt Nam:*** Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2026 trở về trước đạt IELTS từ 5,5 trở lên hoặc có chứng chỉ tiếng Anh tương đương (theo quy định của Bảng 2 ở trên) trong thời hạn 2 năm (đến ngày nộp hồ sơ ĐKXT) và có điểm trung bình chung năm lớp 12 từ 6 điểm trở lên (điểm trung bình chung được tính bằng điểm trung bình cộng của tất cả các môn học (có tính điểm) của năm lớp 12).
  - ***Thí sinh tốt nghiệp THPT tương đương của nước ngoài:***
    + Thí sinh hoàn thành chương trình THPT được công nhận trình độ tương đương.
    + Nếu thí sinh học chương trình phổ thông/cao đẳng/đại học không bằng tiếng Anh thì phải có chứng chỉ tiếng Anh IELTS từ 5.5 trở lên hoặc tương đương.
- **Phương thức xét tuyển:**

Phương thức 1 (PT1): **Xét tuyển thẳng**

- **Đối tượng 1**: Thí sinh đoạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế bậc THPT và những thí sinh đủ điều kiện khác được xét tuyển thẳng theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (tương tự Đối tượng 1 của Chương trình cử nhân chính quy).

Phương thức 2 (PT2): **Xét tuyển kết hợp giữa thành tích học tập và năng lực ngoại ngữ**

- **Đối tượng 2**: Thí sinh đã tham gia cuộc thi "Đường lên đỉnh Olympia" trên Đài truyền hình Việt Nam.
- **Đối tượng 3**: Thí sinh đoạt giải Khuyến khích kỳ thi học sinh giỏi cấp Quốc gia, giải Nhất, Nhì, Ba kỳ thi học sinh giỏi THPT cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (chương trình dành cho học sinh lớp 12).
- **Đối tượng 4**: Thí sinh có kết quả kỳ thi đánh giá năng lực (ĐGNL) của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG TP HCM) năm 2026.
- **Đối tượng 5A**: Thí sinh có năng lực tiếng Anh theo quy định (Bảng 1) và có điểm xét tuyển dựa trên kết quả học tập THPT (học bạ) của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển.
  (tương tự Đối tượng 2, 3, 4, 5A của Chương trình cử nhân chính quy).

- **Điểm xét tuyển**:

Điểm xét tuyển (thang 30) = Điểm quy đổi + Điểm ưu tiên (nếu có) + Điểm cộng (nếu có).

(*Điểm quy đổi, Điểm ưu tiên và Điểm cộng: áp dụng như Tuyển sinh Cử nhân chính quy*).

- **Nguyên tắc xét tuyển:** Xét tuyển ưu tiên lần lượt từ cao xuống thấp theo Điểm xét tuyển.
- **Lưu ý**: Đối với thí sinh chưa đạt IELTS từ 5.5 trở lên phải hoàn thành chương trình dự bị tiếng Anh tại Trung tâm Đào tạo Quốc tế, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng.